

Số: *3623* /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày *21* tháng *12* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt hàng để tuyển chọn

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Trên cơ sở kết quả làm việc và kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt hàng để tuyển chọn (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính:

- Thông báo danh mục nhiệm vụ nêu tại Điều 1 trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định để các tổ chức, cá nhân biết và đăng ký tham gia tuyển chọn.

- Tổ chức Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá hồ sơ nhiệm vụ đăng ký tham gia tuyển chọn theo quy định hiện hành và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Vụ KHTC, NGN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Phạm Công Tạc



DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA ĐẠT HÀNG ĐỀ TUYỂN CHỌN

(Ban hành Quyết định số 3623 /QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
1	Nghiên cứu cơ chế, chính sách và giải pháp thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ đối với khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị sản phẩm.	Đề xuất được cơ chế, chính sách và giải pháp thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ đối với khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã theo chuỗi giá trị sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá thực trạng và đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu tiên hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã. - Báo cáo đề xuất các giải pháp thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã theo chuỗi giá trị sản phẩm. - 02 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành. 	Tuyển chọn
2	Nghiên cứu công nghệ chế biến nước quả vị mận và xây dựng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm cây ăn quả vùng núi Tây Bắc.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm chủ công nghệ và xây dựng được dây chuyền chế biến nước quả vị mận từ quả mơ, mận, táo mèo. - Xây dựng được mô hình hợp tác xã liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm cây mơ, mận, táo mèo vùng núi Tây Bắc. 	<ul style="list-style-type: none"> - 03 quy trình công nghệ chế biến nước quả vị mận từ quả mơ, mận, táo mèo. - 01 bộ hồ sơ tính toán thiết kế, lựa chọn, lắp đặt, hướng dẫn vận hành dây chuyền thiết bị sơ chế, chế biến nước quả vị mận công suất 01 tấn quả/ngày. - 01 dây chuyền thiết bị sơ chế, chế biến nước quả vị mận công suất 01 tấn quả/ngày. - 01 mô hình hợp tác xã liên kết từ trồng trọt, sơ chế, chế biến nước quả vị mận (cây mơ, mận, táo mèo) tại vùng núi Tây Bắc quy mô 200 tấn quả/năm. - 15.000 lít nước quả vị mận (quả mơ, mận, táo mèo): hàm lượng Natri ≥ 30 mg%; đáp ứng QCVN 6-2:2010/BYT về sản phẩm đồ uống không cồn. - 03 bộ tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm nước quả vị mận. 	Tuyển chọn

			<ul style="list-style-type: none"> - 02 bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành. - Tham gia đào tạo 01 thạc sỹ. 	
3	<p>Hoàn thiện công nghệ chế biến và xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới liên kết chuỗi giá trị sản phẩm miến dong riêng ở một số tỉnh miền núi phía Bắc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện được kỹ thuật canh tác, công nghệ bảo quản và chế biến miến dong riêng phù hợp với mô hình hợp tác xã. - Xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm miến dong riêng ở một số tỉnh miền núi phía Bắc. 	<ul style="list-style-type: none"> - 02 - 03 kỹ thuật canh tác dong riêng được hoàn thiện và ứng dụng, năng suất dong riêng tăng thêm tối thiểu 10%. - Quy trình công nghệ bảo quản tinh bột dong riêng, thời gian bảo quản tăng thêm tối thiểu 04 tháng; quy mô phù hợp với mô hình hợp tác xã. - Quy trình công nghệ chế biến miến dong riêng được hoàn thiện và ứng dụng tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, ổn định, đảm bảo an toàn thực phẩm; quy mô phù hợp với mô hình hợp tác xã. - 03 mô hình hợp tác xã kiểu mới liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm miến dong riêng tại ít nhất 02 tỉnh miền núi phía Bắc, quy mô mỗi mô hình gồm: tối thiểu 50 hộ, dây chuyền chế biến miến dong riêng công suất tối thiểu 50 tấn/năm. - Báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình hợp tác xã kiểu mới liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm miến dong riêng. - 300 lượt người đào tạo về kỹ thuật canh tác, công nghệ bảo quản và chế biến miến dong riêng (02 lớp/mô hình). - Sản phẩm chế biến đạt tiêu chuẩn chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định hiện hành, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + 20 tấn miến dong riêng các loại, đáp ứng TCVN 7879:2008 (CODEX STAN 249:2006). + 30 tấn tinh bột khô, đáp ứng TCVN 10546:2014. + 100 tấn tinh bột ướt: Hàm lượng ẩm $\leq 55\%$ và đáp ứng TCVN 10546:2014. - 03 giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa. 	Tuyển chọn